

ベトナム フ工展関連資料展示リスト

岐阜県とベトナム フ工市(旧トゥアティエン=フ工省)の文化交流の一環として、岐阜県図書館はフ工市総合図書館と
令和2年(2020年)から交流を行っています。

(展示期間:令和8年1月6日~1月25日)



ベトナム関連資料一覧

	書名	著者名	出版者名	出版年	分類	資料コード
1	ぶらりあるきベトナムの博物館	中村 浩/著	芙蓉書房出版	2014.8	069 ナ	8134487870
2	深く知るほど楽しめるベトナム旅行術 旅の前におさえたい達人の知恵50 改訂版	シュアン, リエ/著	メイツユニバーサルコンテンツ	2025.3	292.31 シ	8135726721
3	食と雑貨をめぐる旅 悠久の都ハノイへ	竹森 美佳/著	イカロス出版	2023.6	292.31 タ	8135522964
4	ハノイから行けるベトナム北部の少数民族紀行	西澤 智子/写真・文	ダイヤモンド・ビッグ社	2020.4	292.31 ニ	8135265929
5	まっふるWORLD ベトナム		昭文社	2024.3	292.31 ベ	8135655700
6	24H Viet nam guide 改訂版	若宮 早希/著	朝日新聞出版	2024.11	292.31 ワ	8135686902
7	アジア・中近東・アフリカの民族衣装	芳賀 日向/著	グラフィック社	2013.11	383.1 ハ	8134413357
8	ベトナムの民話 アジアの民話 11	山下 欣一, 藤本 黎時/訳	大日本絵画	1980.9	388.2 ダ	8110311253
9	知っておきたい!ベトナムごはんの常識	ナタリー・グエン/文, メロディー・ウン/絵	原書房	2023.7	383.8 グ	8135522697
10	ベトナム建築行脚	竹森 純臣/文, 大木 宏之/写真	彰国社	2023.6	522.3 タ	8135513704
11	建築のハノイ ベトナムに誕生したパリ	増田 彰久/写真, 大田 省一/文	白揚社	2006.4	523.2 マ	8133102755
12	わたしのベトナム料理	有元 葉子/著	柴田書店	1996.7	596.1 ア	8130588257
13	ヌクマムの香りパパイヤの味 ベトナム食紀行	日本放送出版協会/編	日本放送出版協会	2002.2	596.2 ヌ	8132130020
14	アジアンティーに夢中! 季節をおいしく楽しむ	講談社/編	講談社	2004.2	596.7 ア	8132618480
15	甦える安南染付 ホイアンの奇跡	岸良 鉄英/著	里文出版	2007.2	751.2 キ	8141167843
16	にほんご多読ブックス どうして蚊は人の血を吸う?	レ・チョン・ギー/再話	大修館書店	2017.2	817.7 ニ	8134812979
17	たったの72パターンでこんなに話せるベトナム語会話	欧米・アジア語学センター/著	明日香出版社	2018.4	829.3 タ	8134923495
18	世界文学全集 1-06 戦争の悲しみ	バオ・ニン/著	河出書房新社	2008.8	908 セ	8133703970
19	[ベトナム語] Khoảng Cách Giữa Hai Người / ふたりの距離の概算	Honobu Yonezawa	Nhà xuất bản Hội Nhà Văn.	2020	913.6 ヨ	8134066330
20	[ベトナム語] Búp bê dì đượ`ng vọng / 遠まわりする雛	Honobu Yonezawa	Nhà xuất bản Hội Nhà Văn.	2019	913.6 ヨ	8134066321
21	ベトナム現代短編集	加藤 栄/編訳	大同生命国際文化基金	2005.8	929.3 カ	8140939614
22	トウイ・キオウの物語	グエン・ズー/原作, レ・スアン・トウイ/越英訳	吉備人	2005.3	929.3 グ	8132910470
23	つぶらな瞳	グエン・ニヤット・アイン/著	てらいんく	2004.8	929.3 グ	8132684931
24	私を本当の名前で呼んでください ティク・ナット・ハン詩集	ティク・ナット・ハン/著	野草社	2019.3	929.3 テ	8135043967
25	神々の時代	ホアン・ミン・トゥオン/著	東京外国语大学出版会	2016.3	929.3 ホ	8135270179

26	白い蝶 アジアの現代文芸	ニヤット・リン／著	大同生命国際文化基金	2025.3	929.3	リ	8141966008
27	アジア・子どもの本紀行	山花 郁子／著	めこん	2013.3	41	ヤ	8134460894
28	[ベトナム語] Tớ Tò Mò / つまんないつまんない	Shinsuke Yoshitake	Kim Đồng	2022	E11	YO	8134079526
29	神さまとひきがえる	デイン・ルウク／文・絵	蝸牛社	1991.7	E12	デ	8320273250
30	ぼくはひとりで	フン・グエン・クアン／作・絵 フイン・キム・リエン／作・絵	富山房インターナショナル	2021.4	E12	フ	8135356710
31	世界の国ぐに 民話と風土 11	ミヤンマー・タイ・ベトナム・ラオス・カンボジア	学研	1990.4	J38	セ	8320134891
32	民族衣装絵事典	MCDプロジェクト／編集	PHP研究所	2006.3	J38	ミ	8134813920

ベトナム・フ工市総合図書館からの寄贈資料 ※書名の()は、日本語直訳したタイトルです。

	書名	著者名	出版者名	出版年	分類		資料コード
33	Thiền Lâm ngôi chùa lịch sử (ティエン・ラム寺 歴史のお寺)	Nguyễn Đắc Xuân	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2017	223.1	NG	8142073160
34	Nghiên cứu triều Nguyễn và Huế xưa (阮朝や昔のフ工について研究)	Nguyễn Đắc Xuân	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2012	223.1	NG	8141969977
35	Chín đời chùa Mười ba đời vua Nguyễn (阮朝の9代の君主と13代の皇帝)	Nguyễn Đắc Xuân	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2015	223.1	NG	8141969940
36	A visit to Hue - Monuments and landscapes	Phan Thuận An	Thuận Hóa Publishing House	2014	292.3	PH	8141969850
37	Tản mạn về Huế từ góc nhìn di sản văn hóa (文化遺産の視点から語るフ工)	Phan Thanh Hải	Nhà xuất bản Hà Nội	2023	302.2	PH	8141969888
38	Di sản đặc thù của Việt Nam kinh tế Huế (ベトナムの特有な遺産・フ工都)	Đỗ, Bang／ chủ biên	Nhà xuất bản Hà Nội	2021	518	DI	8141969860
39	Huế Còn Lại Với Di Sản (遺産と共に残るフ工)	Phan Thanh Hải	Nhà xuất bản Hà Nội	2023	709.2	PH	8141969879
40	Ngày mai nhớ Huế Về thăm Huế (明日、フ工が欲しい、フ工を会いに)	Hoàng Thị Thọ	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2024	929.3	HO	8142073198
41	Huế Xin dì từ thơ ấu (フ工よ、幼き日々に戻ろう)	Hoàng Thị Thọ	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2024	929.3	HO	8142073204
42	hoàng phù ngọc tường (ホアン・フー・ゴック・トゥオン選集 1)	Hoàng Phú Ngọc Tường	Nhà xuất bản Trẻ	2023	929.3	HO	8141969897
43	trước nhà có cây hoàng mai (うちの前にオクナの木がある)	Minh Tự	Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam	2024	929.3	MI	8142073189
44	Ochna in the front yard (英語版)	Minh Tự	việt Nam Women's Publishing	2024	929.3	MI	8141970000
45	Tiếng dại tiếng thương (愛の言葉)	Nguyễn Du	Nhà xuất bản Thanh niên	2021	929.3	NG	8142073170
46	Ở xù mưa không buồn (雨の地に悲しみが訪れない)	Nguyễn Khoa Diệu Hà	xuất bản Thuận	2022	929.3	NG	8141969995
47	Một thời ma Huế (フ工のある時代)	Nguyễn Khoa Diệu Hà	Nhà xuất bản Lao Động	2024	929.3	NG	8141969968
48	Bí bầu lớn xuống (ビーバウ大きくなった)	Nguyễn Du	Nhà xuất bản Thanh niên	2021	929.3	NG	8141969930
49	Ngoại ô thương nhớ (懐かしい街はずれの場所)	Nhà xuất bản Trẻ	Nhà xuất bản Trẻ	2020	929.3	PH	8141969986
50	Huế chuyện xưa thành cũ (フ工・古くなった昔ばなし)	Phi Tân	Nhà xuất bản Lao Động : Chibooks	2023	929.3	PH	8141969921
51	Giữa Huế yêu thương (愛しいフ工の中に)	Trang Thuỷ	Nhà xuất bản Thuận Hóa	2019	929.3	TR	8141969959

◆海外情報コーナーにもフ工市コーナーがありますので、ぜひご覧ください。